TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 999/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 05-06-2023.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thuý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phương,

2. Ông Trần Văn Phủ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 1904/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **HTKT**, sinh năm 1989,

Thường trú: Ấp 7A1, xã V, huyện T, tỉnh H.

2. Bị đơn: Ông **BXT**, sinh năm 1988 (Vắng mặt),

Địa chỉ: 117/39 đường N, Phường A, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà HTKT trình bày*:

Bà và ông BXT tự nguyện chung sống cùng nhau từ năm 2016. Đến năm 2018, bà và ông BXT tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, Quận C,

Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 29/01/2018. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp, khác biệt về tính cách, lối sống. Từ đầu năm 2019 cho đến nay, bà và ông BXT sống ly thân. Vì vậy, bà yêu cầu ly hôn ông BXT.

Về con chung: Có một con chung tên BTD, sinh ngày 23/10/2017. Bà đồng ý giao con chung cho ông BXT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông BXT:*

Bị đơn ông BXT đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 05/12/2022, 29/3/2023 và 04/4/2023 nhưng ông BXT không đến làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông BXT.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Nguyên đơn bà HTKT khởi kiện bị đơn BXT, thường trú tại quận Bình Thạnh, yêu cầu ly hôn và đề nghị giao con chung cho ông BXT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; bà HTKT cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà HTKT yêu cầu ly hôn ông BXT, giao con chung cho ông BXT trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; bà HTKT cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động; bà HTKT phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét nguyên đơn bà HTKT khởi kiện yêu cầu ly hôn ông BXT nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân.

Tại kết quả trả lời Quyết định số 2011/2022/QĐ-CCTLCC ngày 24/10/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Công an Phường A, quận Bình Thạnh xác định: "*Ông BXT thực tế cư ngụ tại 117/39 đường N, Phường A, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh*". Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Xét nguyên đơn bà HTKT có Đơn đề ngày 05/5/2023 đề nghị giải quyết vắng mặt với nội dung vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ly hôn ông BXT, giao con chung cho ông BXT nuôi dưỡng và bà HTKT cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000 đồng, không yêu cầu Toà án giải quyết tài sản chung nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn bà HTKT.

Xét bị đơn ông BXT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa được Tòa án triệu tập lần thứ hai mà không có lý do và cũng không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông BXT.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Trích lục kết hôn số 680/TLKH-BS ngày 29/8/2022 của Ủy ban nhân dân Phường M, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bà HTKT và ông BXT đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, số đăng ký kết hôn 12, ngày đăng ký kết hôn 29/11/2018, có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của ông BXT và bà HTKT là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên bà HTKT đoàn tụ gia đình để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, bà HTKT cho biết do mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh từ lâu và năm 2019 bà HTKT đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn ông BXT. Sau đó, bà HTKT đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng có cơ hội hàn gắn tình cảm nên vụ án đã được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đình chỉ giải quyết theo Quyết định số 371/2020/QĐST-DS ngày 24/4/2020 nhưng tình trạng hôn nhân của bà HTKT và ông BXT vẫn không được cải thiện. Đối với bị đơn ông BXT, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như để ông BXT thực hiện quyền

tranh tụng, nhưng ông BXT không tham gia cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với khởi kiện của bà HTKT. Điều này cho thấy ông BXT đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân giữa bà HTKT và ông BXT, không có ý định hòa giải đoàn tụ. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà HTKT và ông BXT đã tồn tại mâu thuẫn, vợ chồng bà HTKT ông BXT không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, bà HTKT vẫn giữ yêu cầu ly hôn nên hôn nhân giữa bà HTKT và ông BXT không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu khởi kiện của bà HTKT về việc ly hôn ông BXT có cơ sở để chấp nhận, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[4] Về con chung:

Theo trình bày của nguyên đơn bà HTKT trong quá trình giải quyết vụ án, bà HTKT và ông BXT có một con chung tên BTD, sinh ngày 23/10/2017, bà HTKT yêu cầu giao con chung cho ông BXT nuôi dưỡng vì hiện trẻ BTD đang sống cùng ông BXT.

Xét tại kết quả trả lời Quyết định số 2305/2022/QĐ-CCTLCC ngày 23/11/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Công an Phường A, quận B cung cấp: "*Công dân BTD hiện đang sinh sống cùng cha là ông BXT tại địa chỉ 117/39 đường N, Phường A, quận Bình Thạnh. Hiện trẻ BTD đang theo học tại Trường Mầm non L…",* và tại Văn bản số 06/BC-MNHL ngày 14/02/2023 trả lời Quyết định số 39/2023/QĐ-CCTLCC ngày 31/01/2023 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Trường Mầm non L cung cấp "*Bé BTD sinh ngày 23/10/2017 đã và đang theo học tại Trường Mầm non L từ tháng 9/2020 đến nay ở các lớp Mầm 2, Chồi 2, Lá 1. Trong suốt 3 năm học tại trường sức khỏe của bé ổn định, bé đi học vui vẻ, rất thích thể hiện tình cảm với cô và các bạn. Bé rất ngoan. Hằng ngày bà nội là người trực tiếp đưa đón bé và trao đổi các thông tin về bé cùng cô giáo*", Hội đồng xét xử nhận thấy trẻ BTD đang sống cùng cha là ông BXT và được đảm bảo cho nhu cầu phát triển bình thường của trẻ về tinh thần cũng như học tập. Căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, tình hình thực tế và lợi ích về mọi mặt tốt nhất cho sự phát triển của trẻ BTD, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà HTKT giao trẻ BTD cho ông BXT trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 05/5/2023, bà HTKT yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 110, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà HTKT về cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

[5] Về tài sản chung:

Xét không đương sự nào yêu cầu Toà án giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà HTKT phải chịu án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và án phí sơ thẩm giải quyết về cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 63, Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà HTKT được ly hôn ông BXT.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung tên BTD, sinh ngày 23/10/2017 cho ông BXT trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật Hôn nhân và Gia đình có

quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, một hoặc các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Bà HTKT có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa trả đủ số tiền phải thi hành án thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Về tài sản chung: Không có đương sự nào yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm:

4.1. Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà HTKT phải chịu, được cấn trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0018550 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

4.2. Án phí sơ thẩm giải quyết về cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà HTKT phải chịu.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND Phường M, Quận C;

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Vũ Thị Thúy Vân